

BÁO CÁO

Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình THTK, CLP 06 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020 của tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật THTK, CLP

a) Về ban hành các văn bản triển khai, thực hiện công tác THTK, CLP

Căn cứ Luật THTK, CLP năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP, Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 23/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 về Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về THTK, CLP năm 2020; trong đó, đề ra các mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm để triển khai THTK, CLP trên địa bàn tỉnh trong năm 2020; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng chương trình THTK, CLP cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ trọng tâm và các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP; gắn với công tác kiểm tra, giám sát; quy định kết quả THTK, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên; quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý tài sản, tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng điện; quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; chấn chỉnh công tác quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập;... tạo tiền đề quan trọng để đạt được những kết quả về THTK, CLP trong năm 2020.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về THTK, CLP

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về THTK, CLP, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã triển khai, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể nhân dân về THTK, CLP, chủ yếu thông qua lồng ghép vào các hội nghị chuyên đề, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, in ấn sao gửi các ấn phẩm, thông qua các cuộc họp giao ban, triển khai trên mạng liên thông (VIC),... nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, tạo sự chuyển biến tích cực và thống nhất về tư tưởng, hành động trong THTK, CLP.

c) Công tác thanh tra, kiểm tra THTK, CLP

Ngành thanh tra đã triển khai nghiêm túc các cuộc thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo kế hoạch, đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Tính đến ngày 29/5/2020, toàn ngành thanh tra tỉnh đã tiến hành 36 đoàn thanh tra hành chính (kỳ trước chuyển sang 17 cuộc). Trong đó, thanh tra theo kế hoạch 22 cuộc, đột xuất 05 cuộc, chuyên đề diện rộng 09 cuộc, phát hiện số tiền sai phạm 820,25 triệu đồng (kiến nghị thu hồi 20,25 triệu đồng, kiến nghị khác 800 triệu đồng). Bên cạnh đó, thanh tra các Sở, ngành tỉnh đã tiến hành 302 cuộc (thành lập đoàn: 297 cuộc; thanh tra độc lập: 05 cuộc) tại 3.267 tổ chức, cá nhân phát hiện 482 trường hợp sai phạm, ban hành 1.130 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền xử phạt vi phạm: 2.400 triệu đồng (đã thu nộp ngân sách 1.800 triệu đồng). Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra được tăng cường; kịp thời ban hành nhiều văn bản đôn đốc, nhắc nhở các đối tượng thực hiện kết luận thanh tra.

2. Kết quả THTK, CLP

a) Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Tiết kiệm trong sử dụng kinh phí thường xuyên theo tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện; siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách; bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;... Kết quả đạt được như sau:

- Tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất như lương và các khoản chi cho con người theo chế độ), 118.821 triệu đồng, trong đó:

+ Cấp tỉnh: 57.724 triệu đồng, tăng 11% so với năm 2019 (51.830 triệu đồng) do các khoản chi hoạt động mang tính chất không tự chủ theo dự toán do cấp có thẩm quyền giao cao hơn năm 2019;

+ Cấp huyện: 61.097 triệu đồng, bằng 100% so với năm 2019 (61.097 triệu đồng), do còn trong năm cuối thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 - 2020 nên việc tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo của Chính phủ đối với cấp huyện không thay đổi.

- Tiết kiệm chi quản lý hành chính như văn phòng phẩm, cước phí thông tin liên lạc, sử dụng điện, xăng, dầu, nước công tác phí, hội nghị, hội thảo,... 16.202 triệu đồng (số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt) đạt 42% so với 06 tháng đầu năm 2019 (38.618 triệu đồng); đạt 94% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm 2020 (17.314 triệu đồng).

b) Trong đầu tư xây dựng cơ bản

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 của tỉnh được phân bổ kịp thời và đúng nguyên tắc bố trí vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm,... Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng, các chủ đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn đã được phân bổ trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả; tập trung xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, hoàn tạm ứng ngân sách và quyết toán các dự án hoàn thành; qua đó, việc đôn đốc, theo dõi tiến độ thực hiện, cũng như tiến độ giải ngân vốn được các chủ đầu tư quan tâm và tích cực thực hiện.

Kinh phí tiết kiệm được là 67.332 triệu đồng, tăng 122% so với cùng kỳ năm 2019 (30.367 triệu đồng), tăng 322% so với kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020 (15.961 triệu đồng), bao gồm:

- Tiết kiệm trong thẩm định, phê duyệt dự án, với số tiền 6.074 triệu đồng (kết quả thẩm định thấp hơn giá trị đề nghị của chủ đầu tư);

- Tiết kiệm thông qua đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, với số tiền 31.886 triệu đồng (kết quả đấu thầu dẫn đến giá trị các gói thầu trúng thầu thấp hơn giá trị dự toán phê duyệt, chỉ định thầu giảm giá 5% đối với công trình thủy lợi,...);

- Tiết kiệm trong quá trình thi công, đầu tư, với số tiền 526 triệu đồng;

- Trong công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán, với số tiền 28.847 triệu đồng.

c) Trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu

Tổng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia vốn ngân sách Trung ương giao 2020 là: 275.929 triệu đồng, trong đó: nguồn vốn sự nghiệp 68.458 triệu đồng, nguồn vốn đầu tư 207.471 triệu đồng. Năm 2020, việc phân bổ chi tiết nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia được Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương để thực hiện; theo đó, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai danh mục và kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia vào cuối tháng 02 năm 2020, đảm bảo phù hợp về phạm vi, đối tượng phân bổ vốn; qua đó, tạo điều kiện trong quá trình triển khai thực hiện, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn được giao so với các năm trước, nhằm góp phần giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn trong năm ngân sách. Do 6 tháng đầu năm, các đơn vị chỉ bước đầu hoàn thiện và triển khai kế hoạch thực hiện, chưa giải ngân nguồn vốn này.

d) Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đúng quy định; thường xuyên duy tu, sửa chữa, cải tạo phù hợp với điều kiện công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và lâu dài; thực hiện phân cấp quản lý đối với các dự án, công trình phúc lợi công cộng nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo quản tài sản công cộng; bố trí, quản lý, sử dụng nhà ở công vụ theo đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chủ trương sử dụng tài sản công đúng mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của 36 đơn vị trong tổng số 57 đề án đã được cơ quan chuyên môn thẩm định.

đ) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại; phương tiện, thiết bị làm việc

Việc trang bị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; đảm bảo không có cơ quan, tổ chức, đơn vị nào sử dụng tài sản vượt quá tiêu chuẩn, định mức.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Trung tâm Dịch vụ tài chính công thuộc Sở Tài chính đã tiến hành mua sắm tập trung năm 2020 với 03 gói thầu, hiện tại đang trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu của các nhà thầu tham dự nên chưa có số liệu tiết kiệm.

Thực hiện Đề án thí điểm quản lý xe ô tô công tập trung của các đơn vị cấp tỉnh; đảm bảo sử dụng tài sản công hiệu quả, đúng mục đích, có sự quản lý tập trung, chuyên nghiệp, đã đạt được kết quả tích cực, số lượt đăng ký sử dụng xe cấp tỉnh là 2.372 lượt (từ ngày 01/01/2020 đến 29/5/2020).

e) Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

- Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai: trong 6 tháng đầu năm 2020, đã cấp 5.158 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với diện tích 6.246,2 ha; trong đó, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu 764 giấy, với diện tích 253,06 ha. Lũy kế đến nay, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 348.263 giấy, với diện tích 458.010ha/476.496ha đủ điều kiện được cấp, đạt tỷ lệ 96%.

- Về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản: phần lớn các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh chưa thể khai thác, chỉ khoanh vùng quản lý, bảo vệ tài nguyên theo quy định; vì vậy, thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh chưa thực hiện việc cấp phép cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp giấy khai thác nước dưới đất cho 16 tổ chức, cá nhân với tổng lưu lượng 21.775m³/ngày đêm. Qua kiểm tra các cơ sở khai thác nước dưới đất cho thấy: hầu hết các cơ sở chưa lắp đặt thiết bị đo lưu lượng khai thác; chưa thực hiện

chương trình quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước và báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất cho cơ quan cấp phép đúng theo quy định. Đến thời điểm hiện tại trên toàn tỉnh có 62/62 đơn vị thuộc đối tượng phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng và vận hành theo quy định.

- Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng, biển: phương án phòng cháy, chữa cháy mùa khô đang được các chủ rừng thực hiện quyết liệt theo phương châm “4 tại chỗ”¹; các giải pháp bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường, đặc biệt là rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng; thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên; công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động khai thác rừng trái phép được tăng cường.

- Về điện gió: tính đến thời điểm hiện tại, theo quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Cà Mau giai đoạn đến 2020, có xét đến 2030 có 27 dự án, đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho tiếp cận, nghiên cứu, lập hồ sơ đề xuất bổ sung dự án vào quy hoạch và triển khai thực hiện đầu tư với tổng công suất dự kiến 5.775 MW tại khu vực bãi bồi ven biển từ đông sang tây trên địa bàn tỉnh, đã có 08 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng công suất 625 MW.

- Điện mặt trời áp mái: tính đến tháng 05/2020 đã có 184 khách hàng gắn tấm pin năng lượng mặt trời trên mái nhà với tổng công suất 3.926 Kwp, đạt hơn 152 khách hàng với tổng công suất 3.273 Kwp so với cùng kỳ năm 2019, sử dụng công tơ 2 chiều để hòa lưới điện quốc gia.

g) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Tiếp tục đẩy mạnh rà soát, sắp xếp tổ chức, bộ máy trong nội bộ cơ quan, đơn vị; thẩm định Đề án vị trí việc làm trên tinh thần cắt giảm biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị. Trong 6 tháng đầu năm 2020 đã thực hiện tinh giản biên chế đợt I/2020 đối với 96 trường hợp và đang tổng hợp hồ sơ tinh giản biên chế đợt II/2020 (dự kiến 190 trường hợp); thông qua thí điểm sáp nhập một số cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng tương đồng; cắt giảm những vị trí trung gian;... Kết quả đã sáp nhập 16 đơn vị thành 08 đơn vị; tổ chức lại 15 đơn vị (giảm số lượng phòng làm việc); Sở Nội vụ đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho 27 cơ quan, đơn vị.

- Việc kiểm tra công vụ được thực hiện thường xuyên, liên tục; từ đó, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là ý thức chấp hành giờ giấc, thái độ làm việc,... được nâng lên đáng kể.

h) Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ Hỗ trợ nông dân, Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã) được thực hiện theo đúng quy định; bên cạnh

¹ Phương châm “4 tại chỗ”: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ

đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các Quỹ, qua đó có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng các Quỹ. Nhìn chung, các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước của tỉnh hoạt động hiệu quả, góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện một số mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là tạm ứng, cho vay, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

i) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp

Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp; kiên quyết xử lý những doanh nghiệp thua lỗ theo quy định; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào trong sản xuất; không ngừng nghiên cứu, xây dựng các giải pháp tiết giảm tối đa chi phí; tăng cường quản lý định mức tiêu hao để hạ giá thành; nâng cao năng suất lao động; thường xuyên phát động các phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, tìm tòi sáng kiến trong sản xuất, kinh doanh,... Từ đó, nâng cao hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Nhờ làm tốt các biện pháp trên trong 6 tháng đầu năm 2020, các doanh nghiệp đã tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh 2.287 triệu đồng, đạt 116,09% so với cùng kỳ, đạt 94% kế hoạch.

k) Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh được chú trọng, quan tâm đầu tư gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, diện mạo nông thôn đã thay đổi rõ rệt, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phục vụ tốt cho đời sống nhân dân. Đặc biệt, là ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng của nhân dân đã có chuyển biến rõ rệt như: tiết kiệm, điện, nước, nhiên liệu,... cùng với việc nhân dân đã tích cực, chủ động ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ vào quá trình sản xuất, kinh doanh để nâng cao hiệu quả, tiết kiệm chi phí sản xuất, sức lao động. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với việc học tập theo chuyên đề “Tăng cường đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” được triển khai sâu rộng và mang lại hiệu quả thiết thực. Từ đó, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung và nhân dân nông thôn nói riêng được nâng lên đáng kể.

3. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

- Công tác THTK, CLP luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy; theo dõi, giám sát, tổng kết, đánh giá của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự điều hành chủ động, linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội; từ đó, các chủ trương, chính sách và giải pháp THTK, CLP đã được triển khai thực hiện nhất quán từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã; qua đó, góp phần nâng cao công tác phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi lãng phí.

- Một số giải pháp tăng cường THTK, CLP được triển khai thực hiện mang lại kết quả tích cực như: thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm ngân sách nhà nước ngay từ khâu lập, phân bổ và giao dự toán theo chỉ đạo của

Trung ương; tiết kiệm chi quản lý hành chính, mua sắm, sửa chữa tài sản và tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi; việc trang bị và sử dụng tài sản nhà nước đúng với tiêu chuẩn, định mức quy định; các doanh nghiệp nhà nước triệt để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, từng bước nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường; đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, năng lực công tác, phù hợp với chức danh, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm cũng như nhiệm vụ trong tình hình mới; nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thi hành công vụ, ý thức chấp hành giờ giấc, thái độ làm việc,... được cải thiện đáng kể; thực hiện có hiệu quả đề án quản lý xe ô tô công tập trung trên địa bàn tỉnh Cà Mau với kết quả bước đầu giảm được chi phí, diện tích xây dựng nơi quản lý xe, khai thác tối đa công suất của xe, góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng tài sản công; ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng của nhân dân đã được cải thiện.

b) Hạn chế

- Tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm do phải thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư (phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phát hành hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng,...) lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng,... đối với các dự án khởi công mới trong năm 2020; một số dự án vướng mắc trong khâu bồi hoàn, giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các dự án được bố trí kế hoạch vốn lớn. Ngoài ra, tình hình hạn hán tác động nghiêm trọng đến việc đầu tư thi công các công trình trong vùng ngọt hóa, làm giảm tiến độ thi công, tăng chi phí vận chuyển vật liệu, máy móc và thiết bị thi công, một số nơi không thể vận chuyển được vật liệu đến công trình do đường vận chuyển bị khô nước. Bên cạnh đó, do tác động của việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công, nghiệm thu, thanh toán của nhiều công trình, dự án; đặc biệt là các công trình, dự án bị tác động kép từ dịch Covid-19 và hạn hán như các vùng ngọt hóa ở Trần Văn Thời, U Minh, Thới Bình.

- Công tác THPTK, CLP từng lúc, từng nơi vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, vẫn còn tình trạng lãng phí xảy ra ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực như: việc sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả dẫn đến bị thu hồi, khai thác đất mặt, bom đất dưới lòng sông lên bờ, khai thác lâm sản và nguồn lợi thủy sản trái phép vẫn còn diễn ra; vẫn còn tình trạng chi ngân sách nhà nước không đúng tiêu chuẩn, định mức; thanh quyết toán không hợp lý, hợp lệ.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THPTK, CLP 06 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Trên cơ sở kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác THPTK, CLP 06 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm trong 06 tháng cuối năm 2020 như sau:

1. Trong công tác quán triệt, tuyên truyền về THPTK, CLP

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong THPTK, CLP bằng nhiều hình thức đa dạng nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức,

trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và toàn xã hội. Nêu cao tinh thần trách nhiệm và vai trò của các cơ quan báo, đài trong công tác tuyên truyền THTK, CLP. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đặc biệt, chú trọng tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai THTK, CLP.

2. Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

- Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách, thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật; thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020. Quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau. Thường xuyên rà soát các chế độ, chính sách để bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ các chính sách không còn phù hợp; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước không đúng quy định, gây thất thoát, lãng phí.

- Cắt giảm 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước còn lại của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020; cắt giảm các khoản chi mua sắm chưa thật sự cần thiết; điều chỉnh, thu hồi, cắt giảm dự toán đối với các khoản chi thường xuyên, các khoản mua sắm đã có trong dự toán nhưng đến 30/9/2020 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện về dự phòng ngân sách để bù đắp các khoản giảm thu ngân sách.

- Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, các nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa, kinh phí thực hiện các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch,... theo dự toán được giao; chủ động rà soát những khó khăn, vướng mắc để kịp thời xử lý theo thẩm quyền, đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn đã bố trí trong năm 2020. Trường hợp đến 30/9/2020 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cắt giảm bổ sung dự phòng ngân sách để bố trí cho các nhiệm vụ chi khác.

- Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn định mức và chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Hạn chế mua sắm xe ô tô (trừ xe ô tô chuyên dùng) và trang thiết bị đắt tiền; tiếp tục thực hiện Đề án quản lý xe ô tô công tập trung của các đơn vị cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Cà Mau; sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kiểm tra, rà soát tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm kịp thời phát hiện và chấn chỉnh, có biện pháp xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công không đúng quy định, gây lãng phí, thất thoát. Chỉ đạo các đơn vị có tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khẩn trương hoàn thiện đề án trình phê duyệt theo đúng quy định Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí; trong đó, cần tập trung xử lý dứt điểm các sai phạm và những vấn đề phát sinh sau thanh tra nhằm răn đe, cũng như mang tính hướng dẫn nghiệp vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị để tránh xảy ra sai phạm trong quá trình điều hành kinh phí.

- Tiếp tục sắp xếp lại, xử lý nhà đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 21/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 25/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý các trụ sở;...

3. Trong quản lý đầu tư xây dựng

Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án, công trình, đặc biệt là những dự án, công trình trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa và đóng góp tăng trưởng chung của tỉnh. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công; bảo đảm tuân thủ đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động đầu tư công. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công đi đôi với rà soát, đánh giá toàn diện các quy định về quản lý đầu tư công; tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương): Chủ động rà soát nắm chặt tiến độ thực hiện việc thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế - dự toán xây dựng, giải ngân và quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền; tập trung nhân lực, năng lực của các phòng, bộ phận chuyên môn thuộc đơn vị để rút ngắn tối đa thời gian giải quyết hồ sơ; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời các hạn chế, thiếu sót đối với các phòng, đơn vị chức năng trực thuộc trong thực hiện thủ tục thanh toán, giải ngân vốn đầu tư.

- Yêu cầu chủ đầu tư ban hành kế hoạch giải ngân đối với từng dự án cụ thể, cam kết tiến độ giải ngân của từng dự án, trường hợp giải ngân không đạt tiến độ theo cam kết, xem xét điều chuyển vốn cho dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn hoặc đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, cho tạm ứng ngân sách đối với các dự án có khả năng đẩy nhanh tiến độ nhưng thiếu vốn do phải chờ thực hiện quy trình điều chỉnh kế hoạch vốn; xem xét điều chuyển chủ đầu tư dự án theo thẩm quyền.

- Phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án, lập kế hoạch giải ngân của từng dự án, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án. Kết quả giải ngân của từng dự án được phân công theo dõi là căn cứ chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020. Trường hợp không hoàn thành kế hoạch giải ngân theo tiến độ đề ra, kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, cá nhân liên quan; trường hợp kết quả giải ngân năm 2020 đạt dưới 100% thì không xét thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ cho người đứng đầu, chủ đầu tư dự án và các cá nhân liên quan năm 2020.

4. Trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu và chương trình mục tiêu quốc gia

Triển khai thực hiện có hiệu quả 02 Chương trình mục tiêu quốc gia theo kế hoạch đã được phê duyệt; Quản lý việc sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu theo đúng đối tượng, đảm bảo tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả.

5. Trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

- Triển khai quyết liệt các biện pháp quản lý chặt chẽ đất đai, khắc phục tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích; khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định của pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng. Chủ động ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, nhất là dông, lốc xoáy, sét đánh, sạt lở để bảo vệ người, tài sản và sản xuất của nhân dân. Thực hiện tốt kế hoạch khắc phục ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm, triệt để tình trạng khai thác và phá rừng bất hợp pháp, khai thác khoáng sản trái phép.

- Rà soát tình hình thực hiện các dự án năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, vật liệu mới, thân thiện với môi trường; các dự án sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời; hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sử dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là các dự án đã có chủ trương đầu tư.

6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng, trách nhiệm trong thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, mạnh dạn tinh giản biên chế đối với các trường hợp yếu kém, hạn chế về năng lực, đạo đức ở mọi lứa tuổi; tập trung nâng cao chất lượng xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó cần xác định thật cụ thể nhiệm vụ đảm nhận, yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng vị trí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, vi phạm pháp luật, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp.

7. Trong quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách

Tiếp tục thực hiện rà soát các quy định hiện hành liên quan đến việc thành lập, hoạt động và quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài NSNN, trong đó phân kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phải được tổng hợp đầy đủ trong dự toán và quyết toán hàng năm của các đơn vị; đánh giá hiệu quả các quỹ tài chính ngoài NSNN đang hoạt động để có giải pháp nâng cao hiệu quả trong quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định Luật ngân sách nhà nước 2015 và Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

8. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại các doanh nghiệp nhà nước

- Tiếp tục thoái vốn theo lộ trình đối với các doanh nghiệp đã cổ phần hóa; thực hiện rà soát, bổ sung, hoàn thiện Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiến thành 02 công ty TNHH hai thành viên; thực hiện hiệu quả chương trình, kế hoạch xúc tiến, thu hút đầu tư, nhất là nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài và các tập đoàn lớn.

- Thường xuyên theo dõi tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, quản lý tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; tập trung kiểm tra, rà soát lại tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với các tài sản không đưa vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để quản lý, khai thác hoặc xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện kiểm toán bắt buộc và công khai tài chính trong các doanh nghiệp, phát hiện kịp thời, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi gây lãng phí vốn, tài sản, lao động, tài nguyên thiên nhiên.

9. Trong sản xuất và tiêu dùng cá nhân

Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân về ý thức THPTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng cá nhân; phát hiện và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả trong nhân dân. Khuyến khích cộng đồng tiết kiệm trong tiêu dùng, trong tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội theo Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trên đây là báo cáo tình hình THPTK, CLP 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh (gửi kèm theo Phụ lục I)/.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(M06), M.A19/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi




PHỤ LỤC I


KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

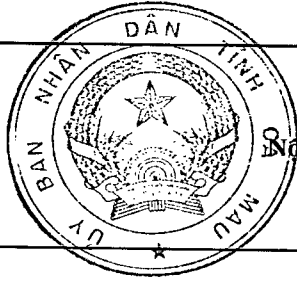
(Kèm theo Báo cáo số 166 /BC-UBND ngày 23/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020	Kết quả 06 tháng đầu năm 2020	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với năm kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	29	21	22	76%	105%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	9	9	16	178%	178%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	21	26	22	105%	85%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	4					
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	Triệu đồng	296	400				
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	112.927	118.821	118.821	105%	100%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
			43.700	18.903	25.533	58,43%	135%	

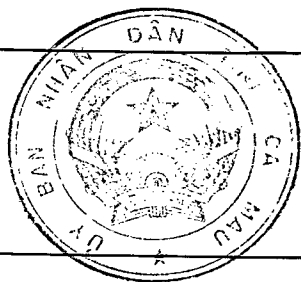
STT	 Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020	Kết quả 06 tháng đầu năm 2020	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với năm kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		38.618	17.314	16.202	42%	94%	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	Triệu đồng	5.788	1.199	1.711	30%	143%	
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Triệu đồng	1.018	2.940	1.106	109%	38%	
	- Tiết kiệm sử dụng điện	Triệu đồng	4.136	1.062	2.390	58%	225%	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Triệu đồng	1.750	546	1.044	60%	191%	
	- Tiết kiệm nước sạch	Triệu đồng	593	4.200	435	73%	10%	
	- Tiết kiệm công tác phí	Triệu đồng	8.444	1.071	3.944	47%	368%	
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	Triệu đồng	3.250	2.529	806	25%	32%	
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	Triệu đồng	8.196	3.642	2.008	24%	55%	
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	Triệu đồng	5.443	126	2.758	51%	2186,14%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		665	1.279	6.037	908%	472%	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng	317	44	90	28%	204%	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		348	1.234	5.947	1707%	482%	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi
	- Thẩm định, phê duyệt dự toán	Triệu đồng	0	60	0	113%	0%	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh,...	Triệu đồng	340		5.933	1744,16%		
	- Thương thảo hợp đồng	Triệu đồng		24				
	- Các nội dung khác		8	1.150	14	175%	1%	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	4.013	141	3.137	78%	2221%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020	Kết quả 06 tháng đầu năm 2020	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với năm kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng	210		130	62%		được duyệt
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng		50				
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng	180	17	11	6%	64%	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng	15	102	17	113%	17%	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ		125	180	78	62%	43%	
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	83		78	94%		
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị		180				
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng	42					
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		1.273	1.710	2.006	157,58%	117,31%	
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	1.269	944	1.232	97,08%	130,51%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	Chiếc		2	7		350,00%	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	4	764	767	19175,00%	100,39%	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng						
2	Tài sản khác		6	30	20	333,33%	66,67%	
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản	6	30	20	333,33%	66,67%	

STT	 Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020	Kết quả 06 tháng đầu năm 2020	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú	
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với năm kế hoạch		
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản							
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng							
3	Các nội dung khác		35	54	433	1237,14%	801,85%		
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng								
1	Trong đầu tư xây dựng		30.367	15.961	67.332	221,73%	421,85%		
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án							
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	30.367	15.961	67.332	221,73%	421,85%	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	948	50	6.074	640,67%	12147,11%		
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, ...	Triệu đồng	18.883	14.921	31.886	168,86%	213,70%		
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	9.083	85	526	5,79%	618,47%		
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	1.453	905	28.847	1985,34%	3187,51%		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng							
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án							
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ								
	- Số lượng	Dự án							
	- Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng							
2	Trụ sở làm việc								
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	1.453.847	17.866	9.648.042	663,62%	54002,13%		

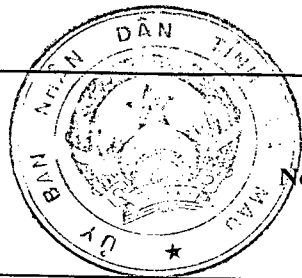


STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020	Kết quả 06 tháng đầu năm 2020	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với năm kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	5.720	2.860	2.860	50,00%	100,00%	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	2.495		450	18,04%		
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng	3	70	5	200,00%	7,14%	
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²	1.809	714	674	37,26%	94,41%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	1.000	500	500	50,00%	100,00%	
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²			36			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²	127.003		8.051	6,34%		Kiến nghị thu hồi
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng			12			



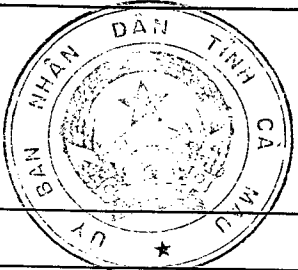
Nội dung


STT	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020	Kết quả 06 tháng đầu năm 2020	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú	
					So sánh với cùng kỳ	So sánh với năm kế hoạch		
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	4	8	3	75,00%	37,50%	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	5	40				
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng		40	30		75,00%	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng							
	- Tiết kiệm điện	Kw/h	92.476	58.250	16.439	18%	28%	



Nội dung

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020	Kết quả 06 tháng đầu năm 2020	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với năm kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	55.340	24.267	9.615	17%	39,62%	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	3.581	1.413	639	18%	45,22%	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	Triệu đồng		150	300		200%	
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng		150	300		200%	
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án			3			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án		2	1		50%	
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được			1.150	99		9%	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng		575				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, ...	Triệu đồng		75	99		132%	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng		500				
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	- Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	Dự án						
	- Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							

STT	 Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020	Kết quả 06 tháng đầu năm 2020	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với năm kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
	- Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng						
	- Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng						
	- Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	- Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	2		8	400%		
	- Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc						
	- Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng						
	- Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc						
	- Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
	- Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc						
	- Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	Triệu đồng						
	Số cuối kỳ	Triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	Triệu đồng						

STT	 Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả 06 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 06 tháng đầu năm 2020	Kết quả 06 tháng đầu năm 2020	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch		Ghi chú	
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với năm kế hoạch		
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9	
	Số cuối kỳ	Triệu đồng							
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân								
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ	19.094	20.053	51.406	269%	256,35%		
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ							
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	6	13	22	367%	169,23%		
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	Cuộc	4	12	18	450%	150%		
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	5	14	30	600%	214,29%		
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	1	1	1	100%	100,00%		
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	31		81	263%			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	49						